TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 4 năm 2020
V/v "Tranh chấp Ly hôn - Chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 665/2017/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp Ly hôn – Chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lăng Kim T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: đường Đ, khóm A, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: khóm K, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết bà Lăng Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1980, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 170/88, quyển số 01, ngày 31/12/1988. Sau khi kết hôn ông bà sống với nhau hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu

thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên ông bà sống ly thân từ năm 2005 đến nay.

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Kim T yêu cầu ly hôn ông Thanh T.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Lăng T, sinh năm 1981 và Nguyễn Lăng T1, sinh năm 1982. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết bà Kim T và ông Thanh T có tranh chấp tài sản chung là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 152096, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 05813, do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Thanh T và bà Kim T ngày 18/11/2014 với diện tích 61,3m^2.

Tuy nhiên tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/3/2020 bà Kim T thay đổi ý kiến về tài sản chung do bà và ông Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết và tờ tự khai bổ sung ngày 14/3/2020 ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà Kim T về quan hệ hôn nhân, thời gian sống hạnh phúc cũng như những mâu thuẫn phát sinh trong đời sống vợ chồng. Do thời gian ông bà sống ly thân đã lâu, tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà Kim T.

Về con chung: Ông thống nhất lời trình bày của bà Kim T về việc ông bà có hai con chung tên Nguyễn Lăng T, sinh năm 1981 và Nguyễn Lăng T1, sinh năm 1982. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05813, do ông và bà Kim T đứng tên. Về tài sản này do ông và bà Kim T thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát Tp. L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Văn bản tố tụng tống đạt cho đương sự đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lăng Kim T được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Lăng T, sinh năm 1981; Nguyễn Lăng T1, sinh năm 1982.Con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim T về chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lăng Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, ông Thanh T có địa chỉ tại khóm K, phường K, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Kim T và ông Thanh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà Lăng Kim T và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 1988, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà Kim T trình bày sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống nên ông bà sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Kim T yêu cầu ly hôn ông Thanh T.

Ông Thanh T thống nhất lời trình bày của bà Kim T về quan hệ hôn nhân, thời gian sống hạnh phúc cũng như mâu thuẫn phát sinh trong đời sống vợ chồng. Do thời gian ông bà sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà Kim T.

[3] Qua lời trình bày của đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, nguyên nhân ly hôn theo bà Kim T trình bày do bất đồng quan điểm sống, ông bà sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Ông Thanh T thống nhất lời trình bày của bà Kim T về nguyên nhân ông bà phát sinh mâu thuẫn, tuy vắng mặt tại các phiên hòa giải nhưng ông Thanh T có văn bản đồng ý ly hôn với bà Kim T, không có nguyện vọng hàn gắn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng.

Do đó căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lăng Kim T được ly hôn ông Nguyễn Thanh T, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Ông Thanh T và bà Kim T thống nhất ông bà có hai con chung tên Nguyễn Lăng T, sinh năm 1981 và Nguyễn Lăng T1, sinh năm 1982. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết, bà Kim T và ông Thanh T có tranh chấp tài sản chung là nhà gắn liền quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 152096, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 05813, do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Thanh T và bà Kim T ngày 18/11/2014 với diện tích 61,3m^2.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/3/2020 bà Kim T thay đổi ý kiến về tài sản chung do bà và ông Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Thanh T thống nhất về tài sản chung nêu trên do ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy việc bà Kim T thay đổi ý kiến tài sản chung do bà và ông Thanh T tự thỏa thuận, đây là sự tự nguyện của bà Kim T phù hợp quy định tại Điều 5; khoản 1, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Đình chỉ xét xử đối với phần đương sự đã rút.

[6] Về nợ chung: Ông bà trình bày không có.

[7] Về chi phí tố tung: Bà Kim T tự nguyện chịu 1.350.000 đồng, được trừ vào tạm ứng chi phí đã nộp. Bà Kim T đã nộp xong.

[8] Về án phí: Bà Lăng Kim T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 6, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 5; khoản 1, Điều 244; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 6, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lăng Kim T được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Lăng T, sinh năm 1981 và Nguyễn Lăng T1, sinh năm 1982. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ xét xử đối với tranh chấp chia tài sản chung của ông Nguyễn Thanh T và bà Lăng Kim T.

4. Về nợ chung: Bà Kim T và ông Thanh T trình bày không có.

5. Về chi phí tố tung: Bà Kim T tự nguyện chịu 1.350.000 đồng, được trừ vào tạm ứng chi phí đã nộp. Bà Kim T đã nộp xong.

6. Về án phí: Bà Lăng Kim T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Kim T và ông Thanh T không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND P. X, TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa